

Số: 1010./CSTN-BKS

Tây Ninh, ngày 11 tháng 11 năm 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM.

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh

- Mã chứng khoán: TRC

- Địa chỉ trụ sở chính: Quốc lộ 22B, ấp Đá Hàng, xã Hiệp Thạnh, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Điện thoại: (0276) 385 3606 – 385 3232

Fax: (0276) 385 3608

- Email: taniruco@gmail.com

2. Nội dung thông tin công bố:

Nghị quyết Hội đồng quản trị số 1009/NQHĐQT-CSTN ngày 11/11/2022 về việc một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm 2022, ước thực hiện một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2022.

3. Thông tin này được công bố trên trang điện tử của Công ty vào ngày 11/11/2022 tại địa chỉ: <http://www.taniruco.com>, mục **CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Nghị quyết số: 1009/NQHĐQT-CSTN ngày 11/11/2022, 

Nơi nhận:

- Sở giao dịch Chứng khoán;
- Ủy Ban Chứng khoán NN;
- Lưu: VT, BKS.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Lê Văn Chánh

Số: 1009/NQHĐQT-CSTN

Tây Ninh, ngày 11 tháng 11 năm 2022

NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Về việc một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm 2022,
ước thực hiện một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2022

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂY NINH

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty CPCS Tây Ninh;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty CPCS Tây Ninh;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị Công ty CPCS Tây Ninh quý III năm 2022 ngày 26 tháng 10 năm 2022.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất một số chỉ tiêu chính về tình hình sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm 2022, ước thực hiện một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2022 như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện 9 tháng	UTH năm 2022	Tỷ lệ đạt KH năm
I. Chỉ tiêu khối lượng					
1. Sản lượng khai thác:	Tấn	8.300,00	6.321,15	9.168,27	110,5%
- Khai thác	//	7.700,00	5.716,35	8.563,47	111,2%
- Thu mua	//	600,00	604,80	604,80	100,8%
2. Sản lượng chế biến:	Tấn	9.300,00	8.060,39	12.355,39	132,9%
- Khai thác	//	7.700,00	5.466,88	8.561,88	111,2%
- Thu mua	//	600,00	-	-	-
- Gia công	//	1.000,00	2.593,51	3.793,51	379,4%
3. Sản lượng tiêu thụ:	Tấn	8.400,00	6.167,99	9.268,79	110,3%
- Khai thác	//	7.800,00	5.663,99	8.663,99	111,1%
- Thu mua	//	600,00	504,00	604,80	100,8%
II. Chỉ tiêu giá trị					
1- Hiệu quả sản xuất	Triệu đồng				
- Giá thành	//	31,70	35,81	31,90	100,6%
- Giá bán (KT+TM)	//	38,00	41,13	38,20	100,5%
2. Tổng doanh thu:	Triệu đồng	372.370,95	318.450,72	428.365,06	115,03%
- Cao su tự khai thác	//	296.400,00	233.447,11	330.947,11	111,6%

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện 9 tháng	UTH năm 2022	Tỷ lệ đạt KH năm
- Cao su thu mua	//	22.800,00	20.241,82	23.517,82	103,1%
- Gia công cao su	//	2.500,00	7.785,30	10.682,39	427,3%
- Kinh doanh nhiên liệu	//	10.000,00	21.720,83	23.220,83	232,2%
- SXKD khác	//	-	688,13	688,13	-
- Hoạt động tài chính	//	11.085,00	3.789,15	8.028,40	72,4%
- Hoạt động khác	//	29.585,95	30.778,38	31.278,38	105,7%
3. Lợi nhuận trước thuế:	Triệu đồng	86.495,35	60.742,64	89.359,88	103,3%
4. Các khoản phải nộp ngân sách:	Triệu đồng	51.847,31	49.895,21	59.503,16	114,7%
5. Lợi nhuận sau thuế:	Triệu đồng	75.567,08	51.301,78	76.240,18	100,8%

Điều 2: Tổng giám đốc, các thành viên Ban điều hành và các phòng ban có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Điều 3: Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- HĐQT;
- Ban điều hành;
- KHĐT, TCKT;
- Ban kiểm soát;
- Người CBTT;
- Lưu VT, T.ký HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
THÀNH VIÊN**



Lê Văn Chành